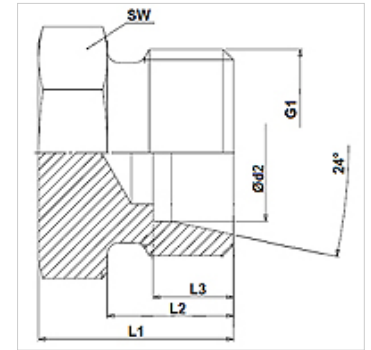


# XVHLL / XVHL / XVHS

## 闭锁接套

### 属性

接口 1	米制外螺纹,圆柱形
密封形式 1	24°内锥
结构类型	闭锁接套
结构形式	直道
标准	DIN 2353 ISO 8434-1
供货范围	接套(不带锁紧螺母和切割环)
原料	钢
表面保护	电镀涂层



### 提示

有关安装、装入、压力负荷和允许的工作温度的说明请您参阅管螺栓连接的技术信息。

### 货品

名称	结构系列	工作压力 巴	Ø d2 (mm)	G1	L1 (mm)	L2 (mm)	L3 (mm)	SW (mm)
XVHLL 04	LL	PN 100	4	M 8 x 1	12	8,0	4,0	9
XVHLL 05	LL	PN 100	5	M 10 x 1	12	8,0	5,5	11
XVHLL 06	LL	PN 100	6	M 10 x 1	12	8,0	5,5	11
XVHLL 08	LL	PN 100	8	M 12 x 1	14	9,0	5,5	12
XVHL NW 04	L	PN 315	6	M 12 x 1.5	14	10,0	7,0	12
XVHL NW 06	L	PN 315	8	M 14 x 1.5	15	10,0	7,0	14
XVHL NW 08	L	PN 315	10	M 16 x 1.5	16	11,0	7,0	17
XVHL NW 10	L	PN 315	12	M 18 x 1.5	17	11,0	7,0	19
XVHL NW 13	L	PN 315	15	M 22 x 1.5	18	12,0	7,0	24
XVHL NW 16	L	PN 315	18	M 26 x 1.5	19	12,0	7,5	27
XVHL NW 20	L	PN 160	22	M 30 x 2	21	14,0	7,5	32
XVHL NW 25	L	PN 160	28	M 36 x 2	22	14,0	7,5	41
XVHL NW 32	L	PN 160	35	M 45 x 2	25	16,0	10,5	46
XVHL NW 40	L	PN 160	42	M 52 x 2	27	16,0	11,0	55
XVHS NW 03	S	PN 630	6	M 14 x 1.5	18	12,0	7,0	14
XVHS NW 04	S	PN 630	8	M 16 x 1.5	20	12,0	7,0	17
XVHS NW 06	S	PN 630	10	M 18 x 1.5	20	12,0	7,5	19
XVHS NW 08	S	PN 630	12	M 20 x 1.5	22	12,0	7,5	22
XVHS NW 10	S	PN 630	14	M 22 x 1.5	24	14,0	8,0	24
XVHS NW 13	S	PN 400	16	M 24 x 1.5	24	14,0	8,5	27
XVHS NW 16	S	PN 400	20	M 30 x 2	28	16,0	10,5	32
XVHS NW 20	S	PN 400	25	M 36 x 2	32	18,0	12,0	41
XVHS NW 25	S	PN 400	30	M 42 x 2	36	20,0	13,5	46
XVHS NW 32	S	PN 315	38	M 52 x 2	39	22,0	16,0	55

结构系列:LL=非常轻 L=轻 S=重 - PN = 额定压力 PB = 最大工作压力 - Ø d2 = 管外直径

### 产品变体

XVHL VA / XVHS VA	闭锁接套, 不锈钢
VHLL / VHLL / VHS	闭锁接套, 钢